

QUÝ TỘC TÔN THẤT NHÀ LÝ NHỮNG NGHIÊN CỨU BƯỚC ĐẦU

(Tiếp theo và hết)

NGUYỄN THANH TUYỀN*

5. Đội ngũ quý tộc tôn thất trong quá trình tồn tại và thịnh suy của triều Lý

Nhà nước Đại Việt thời Lý mang đậm tính chất quân chủ quý tộc. Tầng lớp quý tộc (tôn thất, ngoại thích, các thế gia...) luôn hiện diện và đảm nhận các vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị từ trung ương đến cấp cơ sở. Nhiều dòng họ quý tộc, quan lại nổi đời nắm giữ các chức vụ chủ chốt trong triều hay thế tập nắm quyền ở các địa phương. Có thể kể đến họ Đỗ của Đỗ Anh Vũ, Đỗ An Di; họ Đàm với các nhân vật như Đàm Thi Phụng, Đàm Dĩ Mông, Đàm Kinh Bang...; họ Lê dòng dõi Lê Đại Hành nhiều đời nối nhau cai quản châu Phong, châu Chân Đăng; họ Hà nổi đời trấn giữ châu Vị Long; họ Dương coi giữ vùng Quảng Nguyên... Chế độ nhiệm tử là phương thức tuyển chọn quan lại hàng đầu của triều Lý càng khiến hậu duệ của tầng lớp quý tộc và quan lại có nhiều điều kiện gia nhập hệ thống chính trị của đất nước. Tính chất quân chủ quý tộc được duy trì và liên tục củng cố trong suốt thời gian tồn tại của vương triều Lý.

Với vị thế là thân tộc của hoàng đế, cũng là sản phẩm của chế độ quân chủ quý tộc, đội ngũ tôn thất có thể tham gia tự nhiên vào quá trình xây dựng, bảo vệ đất nước

cũng như để lại dấu ấn đậm nét trong sự thịnh suy của triều Lý.

Theo thống kê từ *Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư* ở mục 1, các sự kiện thuộc lĩnh vực chính trị-quân sự có dấu ấn của tôn thất đã chiếm 50/105 lần mà hai sách trên đề cập. Điều đó cho thấy giới quý tộc tôn thất đã dự phần rất sâu rộng vào đời sống chính trị thời này. 50 sự việc trên bao phủ hầu hết các mặt chính trị-quân sự như nội trị, ngoại giao, dẹp loạn, đánh giặc... (xem bảng 3).

Trong hơn 200 năm triều Lý, quý tộc tôn thất đã nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều ngoài nội. Thời Lý Thái Tổ có Lý Trưng Hiển làm Thái úy, Lý Phó làm Tổng quản. Thời Lý Thánh Tông và đầu thời Lý Nhân Tông có Lý Đạo Thành giữ chức Thái sư. Khai Quốc vương trấn giữ phủ Trường Yên (Kinh đô Hoa Lư cũ) thời Lý Thái Tổ; Uy Minh vương trấn giữ Nghệ An thời Lý Thái Tông và đầu thời Lý Thánh Tông... Nhiều người trong số họ đã có những đóng góp lớn lao vào sự nghiệp trị bình, đem lại lợi ích nhiều mặt cho nhân dân. Thái sư Lý Đạo Thành được đời sau ca ngợi và trân trọng xếp vào hàng những đại thần “phò tá có công lao tài đức” (39) tiêu biểu thời Lý. Uy Minh vương Lý Nhật Quang khi trấn trị vùng Nghệ An đã ra sức mở mang vùng đất này, được triều đình

*ThS. Hội Khoa học Lịch sử Tp. Hồ Chí Minh

Bảng 3: Phân loại các sự việc liên quan lĩnh vực chính trị-quân sự của tôn thất nhà Lý

Nội dung		Tổng số lần được đề cập	Tỉ lệ (%)
Nội trị - ngoại giao		14	28
Dẹp loạn-đánh giặc		9	18
Hôn nhân chính trị		11	22
Biến động chính trị	Tác nhân gây biến động	7	14
	Nạn nhân của biến động	9	18
Tổng cộng		50	100

Nguồn: *Việt sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư*

đánh giá cao và được nhân dân địa phương hết lòng nhớ ơn, tôn thờ (40).

Trong các công việc cụ thể thuộc lĩnh vực nội trị hay ngoại giao, nhiều tôn thất được triều đình tin cậy giao cho những nhiệm vụ không phải là nhỏ. Dưới thời Lý Thái Tổ, các vương hầu và công chúa được giao việc quản lý các loại thuế của nhà nước (41). Năm 1026, Thái úy Lý Trưng Hiên từng dẫn đầu đoàn sứ bộ sang nhà Tống (Trung Quốc) (42). Dưới thời Lý Thái Tông, hoàng tử-Phụng Càn vương Lý Nhật Trung từng hai lần được cử làm Lưu thủ kinh sư (43) là chức vụ có thể toàn quyền xử trí các công việc ở Kinh đô khi hoàng đế thân chinh đánh dẹp các cuộc nổi loạn hay chinh phạt nước ngoài... Triều Lý đã biết huy động tài trí và sức lực của đội ngũ tôn thất để phục vụ công cuộc kiến thiết quốc gia, qua đó khiến thế và lực của đất nước ngày càng được nâng cao.

Song hành với sử dụng tôn thất trong sự nghiệp trị bình, triều Lý còn dựa vào họ để dẹp yên loạn lạc, trấn áp các cuộc nổi dậy nhằm bảo vệ vương triều và nền thống nhất quốc gia. Xu hướng phân tán, tự trị địa phương có nguồn gốc từ thời Bắc thuộc, tiếp tục tồn tại trong thế kỉ X vào kéo dài đến khi nhà Lý được dựng lên. Lý Thái Tổ và các hoàng đế kế vị đã kiên quyết, kiên trì chống lại xu hướng phân tán. Xu hướng này diễn ra khá mạnh ở buổi đầu triều Lý, dưới ba triều Thái Tổ, Thái Tông và Thánh Tông.

Các vị hoàng đế trên đã chọn giải pháp mạnh mẽ trấn áp bằng vũ lực đối với những cuộc nổi dậy mà các phương sách mềm dẻo không đem lại kết quả. Điều đáng nói là không phải nơi nào cũng một lần động binh là giải quyết được, có những nơi triều đình phải nhiều lần cất quân mới xong.

Ngoài những lúc tự cầm quân, cử thái tử hay võ tướng xuất chinh, Lý Thái Tổ còn tin tưởng giao trọng trách dẹp loạn cho con em tôn thất như các vị Dực Thánh vương, Khai Quốc vương, Vũ Đức vương, Đông Chinh vương... Năm 1015, Dực Thánh vương và Vũ Đức vương được lệnh đi thảo phạt các châu Đô Kim, Vị Long, Thường Tân, Bình Nguyên (44). Năm 1022, Dực Thánh vương lại nhận lệnh đi đánh vùng Đại Nguyên Lịch và trong khi truy kích đã tiến vào địa phận trại Như Hồng nước Tống (45). Năm 1024, châu Đô Kim một lần nữa nổi dậy, Khai Quốc vương lĩnh mệnh đi đánh (46). Năm 1027, Đông Chinh vương vâng lệnh đánh dẹp ở châu Văn (47)...

Dưới thời Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông, hai thân vương là Phụng Càn vương Lý Nhật Trung và Uy Minh vương Lý Nhật Quang (đều là hoàng tử của Thái Tông, hoàng đệ của Thánh Tông) được sử sách nhiều lần nhắc đến vì có quân công. Phụng Càn vương trong lần đầu giữ chức Lưu thủ kinh sư năm 1035 đã ngăn chặn kịp thời mưu đồ đảo chính của một nhóm võ tướng và tôn thất (48). Năm 1043, ông phụng

mệnh đi đánh châu Văn (49). Còn Uy Minh vương trong thời gian trấn giữ Nghệ An đã có công dẹp loạn an dân dưới thời Lý Thái Tông và đầu thời Lý Thánh Tông.

Các nỗ lực tăng cường quyền uy của chính quyền trung ương trên khắp cõi, quyết tâm cao trong dẹp yên phiên trấn, bảo vệ quốc gia thống nhất của triều Lý ở buổi đầu tạo dựng đã dần phát huy tác dụng tích cực. Các lần xuất quân dẹp loạn trong nước đến thời Lý Thánh Tông thì giảm dần và từ thời Lý Nhân Tông trở đi thì trở nên thưa thớt. Vương triều Lý đang trên đà hưng thịnh đã biết cách loại bỏ thành công các trở lực gây bất ổn chính trị-xã hội, đồng thời tận dụng tối đa năng lực của đội ngũ tôn thất, tạo môi trường để đội ngũ này phát huy được vai trò trong sự nghiệp duy trì, bảo vệ quốc gia thống nhất và yên ổn. Ở chiều ngược lại, đội ngũ tôn thất có thể xác lập được những ảnh hưởng chính trị to lớn hơn, qua đó trở thành chỗ dựa giúp đảm bảo quyền lực của vương triều, nhưng cũng tiềm ẩn các nguy cơ “đuôi to khó vẫy” nhất định, thậm chí bộc phát thành các sự biến như loạn Tam vương năm 1028, âm mưu đảo chính của hai hoàng đệ Lý Thái Tông năm 1035. Đó là tính hai mặt của thực tế tôn thất có vị thế và quyền lực to lớn về chính trị-quân sự dưới triều Lý.

Kế thừa truyền thống của tổ tiên, các hoàng đế triều Lý đời sau cũng thường sử dụng đội ngũ tôn thất để tiêu bình nội loạn. Dưới thời Lý Cao Tông, nhân dân các sách Tư Mông, Trịnh, Ô Mễ, Linh nổi lên chống lại triều đình. Thái phó Vương Nhân Từ đem quân đàn áp nhưng thua trận và bị giết. Triều đình phải cử Kiến Ninh vương Lý Long Ích đem đại quân đi đánh mới dẹp yên được (50). Dưới thời Lý Huệ Tông, triều Lý càng lún sâu vào quá trình suy yếu, loạn lạc xảy ra khắp nơi. Thế lực họ Trần

của Trần Tự Khánh ngày càng lớn mạnh, có lúc từng bất tuân triều đình, công khai đối chọi với hoàng đế. Lý Huệ Tông phải huy động quân sĩ để thảo phạt. Trong cuộc thảo phạt này, các vương hầu mà tiêu biểu là An Nhân vương (không rõ tên) đã tham gia rất tích cực (51).

Song hành với công cuộc tiêu bình nội loạn, khi đất nước bị ngoại bang xâm lấn, nhiều tôn thất đã ra sức bảo vệ chủ quyền, hiên ngang đương đầu với quân thù. Nước Đại Việt thời Lý từng phải nhiều lần chống trả những cuộc tiến quân lấn chiếm, xâm lược của các quốc gia láng giềng như Đại Lý, Đại Tống, Ai Lao, Chân Lạp và Champa. Trong tất cả những lần đó, quân đội triều Lý đều chiến thắng. Với tình hình sử liệu hiện nay, chúng ta có thể tìm hiểu đóng góp của một số vương hầu trong cuộc đánh trả quân Đại Lý năm 1014 và trong kháng chiến chống Tống năm 1075-1077.

Việt sử lược và *Đại Việt sử kí toàn thư* đều cho biết năm 1014, sai Dục Thánh vương đánh quân Man do Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí cầm đầu (52). *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi rõ số lượng quân Man là 20 vạn và chúng tấn công khu vực biên giới Tây Bắc thuộc châu Vị Long (nay thuộc tỉnh Tuyên Quang). Lực lượng người Man này đến từ đâu? Họ chỉ là các sắc dân thiểu số quanh biên giới Việt-Trung đương thời hay là lực lượng nào khác?

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* tra xét thêm sử liệu Trung Quốc để đính chính người Man ở đây là Hạc Thác, một tên gọi khác của Nam Chiếu. Sách này viết: “Lời căn án - Sử cũ ở đây chỉ chép là “người Mán” chứ không nói rõ là Mán nào. Nay theo sách *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng, chép là Mán Hạc Thác (Lời chưa - Hạc Thác: Theo *Minh sử*, Nam Chiếu cũng có tên gọi nữa là Hạc Thác)” (53).

Như vậy, người Man mà *Việt sử lược* cùng *Đại Việt sử ký toàn thư* nhắc đến và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* xác định là Hạc Thác hay Nam Chiếu. Nam Chiếu ban đầu là tên gọi 1 trong 6 chiểu của cộng đồng cư dân không phải Hán tộc ở khu vực lãnh thổ ngày nay chủ yếu thuộc tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Nam Chiếu về sau mạnh lên, thủ lĩnh của họ xin nhà Đường phong chức tước và dần phát triển thế lực, thu phục các chiểu khác để lập ra vương quốc riêng. Sự kiện này diễn ra trong thế kỉ VIII. Vương quốc này ban đầu vẫn dùng tên Nam Chiếu làm quốc hiệu. Đến năm 937 đổi thành Đại Lý. Vương quốc Đại Lý tồn tại đến năm 1254 thì bị diệt vong bởi sự xâm lược của quân Mông Cổ.

Nước Đại Việt thời Lý có khu vực biên giới tiếp giáp với Đại Lý ở phía Tây Bắc. Hai nước không thiết lập quan hệ ngoại giao và không có các cuộc tiếp xúc mang tính quan phương. Nhưng giữa nhân dân hai nước ở khu vực biên giới đã diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán, nổi bật là hoạt động buôn bán ngựa. Đó là sự tiếp nối các hoạt động diễn ra từ thời thuộc Đường.

Năm 1013, thủ lĩnh châu Vị Long là Hà Ân Tuấn làm phản. Triều Lý đem quân đánh. Hà Ân Tuấn thua phải chạy sang nương nhờ Đại Lý. Năm sau, Đại Lý động binh. Chắc hẳn đã có những toan tính từ phía Đại Lý nhân cơ hội này để thiết lập ảnh hưởng mạnh hơn ở khu vực biên giới giáp với Tây Bắc nước ta. Các tướng Đại Lý là Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí dẫn quân đến đóng trại ở bến Kim Hoa (?). Lý Thái Tổ nhận tin liền cử Dục Thánh vương đem quân chống địch. Kết quả, chỉ sau một trận chiến, quân Đại Lý đại bại. Quân nhà Lý “chém được hơn một vạn đầu, bắt sống được quân lính và ngựa không xiết kể” (54). Lý Thái Tổ sai chọn 100 con ngựa tốt sang

biếu nhà Tống và thông báo chuyện xung đột vừa xảy ra.

Chiến thắng năm 1014 đã đập tan ý đồ nhòm ngó nước ta của Đại Lý. Nhà Lý có thể phát huy ảnh hưởng mạnh mẽ hơn ở khu vực biên giới phía Tây Bắc, trong đó có châu Vị Long (55). Năm 1015, Hà Ân Tuấn bị bắt và bị xử tử (56). Họa loạn ở Vị Long bị dập tắt kể từ đó nơi đây trở thành một vùng lãnh thổ yên ổn, trung thành dưới sự quản hạt của triều Lý. Chiến thắng năm 1014 cũng cho thấy tài năng quân sự của Dục Thánh vương. Ông là tôn thất góp nhiều công sức trong công cuộc bình loạn, củng cố đế quyền trên toàn lãnh thổ dưới thời Lý Thái Tổ. Không nên vì việc ông đồng mưu gây ra loạn tam vương khi Lý Thái Tổ mất mà hạ thấp hay không ghi nhận vai trò, dấu ấn của ông đối với vương triều Lý.

Trong kháng chiến chống Tống năm 1075-1077, sử sách còn ghi nhận sự đóng góp của hai tôn thất là Hoàng Chân hầu và Chiêu Văn hầu. *Việt sử lược* là tài liệu duy nhất của nước ta đề cập đến cả hai nhân vật này. Sách viết vắn tắt rằng: “Năm Bính Thìn, hiệu Thái Ninh năm thứ 4 (1076) [...] Mùa Thu, tháng 7, Tống lấy Quảng Tây Tuyên phủ sứ Quách Quỳ, Triệu Cao làm Chiêu thảo sứ, thống lĩnh 9 tướng quân tới đánh nước ta. Vua sai Nguyễn (Lý) Thường Kiệt đem thủy quân chống cự. Hai hầu Chiêu Văn, Hoàng Chân đều bị chết đuối. Hai quân giữ nhau ở sông Như Nguyệt (sông Cầu) hơn một tháng. Thường Kiệt biết rằng quân Tống sức lực đã khốn, ban đêm sang sông đánh úp, đại phá được. Quân Tống 10 phần chết đến 5, 6, bèn lui giữ châu Quảng Nguyên” (57).

Đoạn sử liệu trên cho biết Chiêu Văn hầu và Hoàng Chân hầu hi sinh khi thủy binh nhà Lý chống nhau với quân Tống tại sông Như Nguyệt. Đó là những thông tin

sớm nhất về hai vị hầu tước này trong sử sách nước ta.

Trái ngược với thông tin sơ sài trong sử sách nước ta, các thư tịch cổ thời Tống đã cung cấp nhiều chi tiết hơn về hai nhân vật kể trên. Các tài liệu như *Tục tư trị thông giám trường biên*, mộ chí Quách Quỳ, *Đàm phố*, *Tống sử*... đều chép chuyện quân Tống bắt/giết được Hoàng Chân và Chiêu Văn, trong đó sách *Đàm phố* chứa đựng nhiều thông tin nhất. Tổng hợp các ghi chép ấy, học giả Hoàng Xuân Hãn đã phác họa lại những thông tin còn được lưu giữ về hai hầu tước trên cùng chiến công của họ trong công trình *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*. Theo đó thì, Hoàng Chân có nuôi riêng 500 quân đặc biệt, cấm mọi điều thị dục, dạy cho trận pháp. Mỗi người trong đội quân ấy đều cầm một kim bài làm hiệu riêng. Đó là đội quân thiện chiến và có hiệu lệnh rất nghiêm (58).

Hoàng Xuân Hãn cho biết các thư tịch cổ thời Tống từng gọi Hoàng Chân là thái tử Hồng Chân, vương tử Hồng Chân. Ở trên ta đã biết dưới thời Lý, danh xưng “thái tử” còn được dùng để gọi các hoàng tử. Như vậy, nhiều khả năng Hoàng Chân và Chiêu Văn đều là hoàng tử của nhà Lý; nếu điều này đúng thì họ phải là hoàng tử của Lý Thái Tông bởi Lý Thánh Tông (con Lý Thái Tông) mãi đến năm 1066 mới sinh hoàng tử đầu tiên (tức Lý Nhân Tông sau này) (59).

Cuối năm 1076, sau khi tràn vào nội địa nước ta, đại quân Tống do Quách Quỳ và Triệu Tiết cầm đầu nhanh chóng tiến đến bờ bắc sông Như Nguyệt. Bên kia bờ là chiến lũy chạy dọc sông do quân dân nhà Lý dựng lên để ngăn giặc. Quân Tống nóng lòng chờ thủy quân đến để vượt sông nhưng cánh quân thủy của chúng đang bị đánh cho tơi bời ở ngoài khơi vịnh Bắc Bộ ngày nay. Không thể chờ đợi thêm, Quách Quỳ

hai lần hạ lệnh cho quân vượt sông: lần thứ nhất bằng cầu phao, lần thứ hai bằng bè. Nhưng chúng đều bị quân Lý đẩy lui.

Đầu năm 1077, nhận thấy thời cơ tổng phản công đã tới, Lý Thường Kiệt chia quân làm hai cánh: một cánh do Chiêu Văn và Hoàng Chân chỉ huy đánh vào doanh trại của chủ tướng giặc là Quách Quỳ, cánh còn lại do Lý Thường Kiệt dẫn đầu tấn công vào doanh trại của phó tướng giặc là Triệu Tiết. Hai khối quân của chủ tướng và phó tướng quân Tống đóng cách nhau khoảng 30km. Trong phương châm chiến lược của cuộc phản công, cánh quân của Lý Thường Kiệt là chính binh, cánh quân của Hoàng Chân và Chiêu Văn là kì binh.

Hoàng Chân và Chiêu Văn chỉ huy 400 chiến thuyền với vài vạn quân, vượt sông rồi đổ bộ lên bờ đánh mạnh vào khối quân của Quách Quỳ ở khu vực Kháo Túc. Quân Tống ban đầu hoảng sợ nhưng sau dần lấy lại thế trận và phát huy được sở trường của kĩ binh trên đất bằng nên ra sức phản công. Quân nhà Lý phải rút lui. Các chiến thuyền ghé sát bờ để đón quân về nhưng bị quân Tống dùng máy bắn đá tấn công tới tấp. Chiến thuyền của Hoàng Chân và Chiêu Văn bị đắm và hai ông đã anh dũng hi sinh. Thuyền đội thân quân của Hoàng Chân cũng bị đắm, quân sĩ đều cầm vững kim bài mà chết.

Hoàng Chân hầu và Chiêu Văn hầu hi sinh nhưng đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu hao sinh lực địch, thu hút sự chú ý của quân Tống vào hướng tấn công này, tạo thời cơ để đại binh do Lý Thường Kiệt thống lĩnh có thể dễ dàng sang sông, bắt ngờ tấn công vào khối quân Tống do Triệu Tiết chỉ huy. Quân Tống đến đây rơi vào cảnh bị động đối phó, tưởng đại thắng nhưng lại vấp phải sức tấn công mạnh mẽ hơn. Chúng không thể ứng cứu cho nhau

nên rơi vào cảnh rối loạn. Quân Lý đại thắng. Trận quyết chiến chiến lược Như Nguyệt của Lý Thường Kiệt thành công, đã đánh bại ý chí xâm lược của quân Tống, buộc chúng sau đó phải chấp nhận giảng hòa và rút quân về nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Tống như vậy có sự đóng góp rất lớn của Chiêu Văn hầu và Hoàng Chân hầu. Đó là hai tôn thất, cũng là hai dũng tướng đã dùng cả tính mạng để bảo vệ bờ cõi. Sử sách không cho biết rõ ràng về lí lịch cùng tiểu sử nhưng công trạng của họ trong sự nghiệp vệ quốc thời Lý vẫn sống mãi với non sông đất Việt.

Trong đội ngũ tôn thất, không chỉ các vương hầu để lại nhiều dấu ấn với vương triều và đất nước mà các công chúa cũng có những đóng góp nổi bật thông qua những cuộc hôn nhân chính trị. Vương triều Lý vì nhu cầu củng cố chế độ trung ương tập quyền, thắt chặt khối đoàn kết trong nội bộ giai cấp thống trị xung quanh họ Lý và giữ gìn quốc gia Đại Việt thống nhất, hùng cường nên đã hình thành trên thực tế tập quán hôn nhân chính trị. Nhiều công chúa được gả cho các thủ lĩnh những vùng đất xa Kinh đô để tăng cường sự trung thành của các phiên trấn, củng cố sức mạnh của chính quyền trung ương. Từ thời Lý Thái Tổ, một số công chúa đã được gả chồng với mục đích trên như công chúa An Quốc được gả cho Đào Cam Mộc là công thần tôn lập Lý Thái Tổ lên ngôi, một vị công chúa khác (không rõ tên) được gả cho người đứng đầu động Giáp là Thân Thừa Quý (60). Tập quán này được các hoàng đế về sau tiếp tục thực hiện.

Ghi chép từ *Việt sử lược* và *Toàn thư* cho biết có 11 vị công chúa được các hoàng đế triều Lý gả cho các đại thần hay thủ lĩnh các miền đất xa Kinh thành. Kết hợp con số trên với thông tin khai thác được từ một số tài liệu khác, chúng tôi thống kê được tất

cả 14 cuộc hôn nhân chính trị mà cô dâu là các công chúa. Ngoài hai công chúa của Lý Thái Tổ đã nói ở trên, những trường hợp còn lại được thống kê trong bảng 4.

Như vậy, chính sách gả công chúa cho các đại thần hay thủ lĩnh địa phương là một điểm đặc sắc trong văn hóa chính trị triều Lý. Thông qua phương sách gả công chúa, họ Lý đã kết thông gia nhiều đời với một số dòng họ có thế lực như họ Thân ở châu Lạng, họ Hà ở châu Vị Long, họ Lê (con cháu Lê Đại Hành) ở châu Phong, họ Dương ở châu Quảng Nguyên... Đến lượt mình, các dòng họ đó đã trở thành chỗ dựa tin cậy, liên kết chặt chẽ và hết sức trung thành với vương triều Lý.

Bên trên là khái lược về vai trò và những đóng góp chủ yếu của đội ngũ tôn thất trong hệ thống chính trị, công cuộc dẹp loạn an dân và bảo vệ triều đình, đất nước dưới triều Lý. Ở thế kỉ XVIII, nhìn về quá khứ và nhận xét khái quát về vai trò của đội ngũ tôn thất trong quá trình hưng suy của vương triều Lý, nhà bác học Lê Quý Đôn từng viết: “Họ Lý đề phòng cái tệ của Ngọa Triều sát hại tông thất, phong cho các con mỗi người đều ở châu phủ, nắm quyền quân sự và dân sự ở một phương, thỉnh thoảng lại vào triều cận. Tuy sự quyền quá to nên mới có cuộc biến loạn của Tam vương, nhưng nguồn gốc rất sâu dày, cũng đủ để tiêu trừ lòng ngấp nghé của bọn gian đảng. Như Uy Minh ở Nghệ An, Phụng Càn ở châu Bình Văn, uy đức vang xa, thực là những người giỏi trong hàng tông thân. Đến cuối đời Lý lại sơ bạc với cốt nhục, 24 lộ lại chia cho các công chúa ở, mà đem quân cấm vệ giao riêng cho Trần Thủ Độ. Vương hầu tuy đông, chỉ có danh suông mà thôi. Quân lính được cấp di theo hộ vệ hầu hết đều già yếu, không thể dùng được. Cuối cùng hóa ra cầm gươm đằng lưỡi, đến nỗi bị họ Trần thoán đoạt” (61).

Bảng 4: Các cuộc hôn nhân chính trị thời Lý

STT	Tên công chúa-thời hoàng đế	Năm kết hôn	Phò mã	Nguồn tư liệu ngoài <i>Việt sử lược</i> và <i>Đại Việt sử ký toàn thư</i>
1	Bình Dương - con Lý Thái Tông	1029	Châu mục châu Lạng Thân Thiệu Thái - con trai của Thân Thừa Quý	
2	Kim Thành - con Lý Thái Tông	1036	Châu mục châu Phong Lê Thuận Tông (hậu duệ của Lê Đại Hành)	
3	Trường Ninh - con Lý Thái Tông	1036	Châu mục châu Thượng Oai Hà Thiện Lãm	
4	Thiên Thành - con Lý Thánh Tông	1066	Thân Đạo Nguyên (hay Thân Cảnh Phúc) - con trai của Thân Thiệu Thái và Công chúa Bình Dương	
5	Ngọc Kiều - thời Lý Thánh Tông	Không rõ năm	Châu mục châu Chân Đăng người họ Lê (không rõ tên)	
6	Thọ Dương - con Lý Thánh Tông	Không rõ năm	Dương Cảnh Thông	Văn bia Tư Lang châu Sùng Khánh tự chung minh
7	Khâm Thánh - con Lý Thánh Tông	1082	Châu mục châu Vị Long Hà Di Khánh	
8	Thụy Thánh - con Lý Thánh Tông	Không rõ năm	Ông nội của Cẩm Thánh Thái hậu - thuộc họ Lê ở châu Phong	Văn bia Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí
9	Diên Bình - thời Lý Nhân Tông	1127	Thủ lĩnh phủ Phú Lương Dương Tự Minh	
10	Thiếu Dung - thời Lý Anh Tông	1144	Thủ lĩnh phủ Phú Lương Dương Tự Minh	
11	Thiên Cực - thời Lý Anh Tông	1167	Châu mục Lạng Châu là Hoài Trung Hầu	
12	Hoa Dương - thời Lý Cao Tông	1180	Thủ lĩnh châu Vị Long Hà Công Phụ	

Nguồn: *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, văn bia thời Lý liên quan

Bên cạnh những đóng góp to lớn và vai trò tích cực, trong một số trường hợp, họ là tác nhân góp phần làm rối loạn triều chính hoặc là nạn nhân của các biến động chính trị. Một số tôn thất có tư tưởng cơ hội chính trị, có những hành động gây hại cho triều đình và đất nước: Loạn Tam vương năm 1028 sau khi Lý Thái Tổ băng hà; hai hoàng đệ của Thái Tông đồng mưu với tướng Nguyễn Khánh để làm phản; Bảo Quốc vương Lý Long Xưởng và Thái hậu Chiêu Linh từng âm mưu đảo chính khi Lý Cao Tông mới lên ngôi (62)...

Trong biến loạn, một số tôn thất bị giết, bị buộc phải lên ngôi hoặc đến nước khác lánh nạn: Kiến Hải vương Lý Dương Côn phải chạy sang Cao Ly thời Lý Anh Tông

(63); Nhân Quốc vương và hai con trai bị Đàm Thái hậu (mẹ Huệ Tông) sai người giết chết để “dứt cái mầm cải lập” trong cuộc biến loạn sau khi Lý Cao Tông qua đời (64); Nghĩa Tín vương bị Trần Tự Khánh giết chết thời Lý Huệ Tông (65); Huệ Văn vương-con Anh Tông bị Trần Tự Khánh ép phải lên ngôi nhằm phục vụ mưu đồ khuynh loát triều chính, phủ định triều đình Lý Huệ Tông (66); Kiến Bình vương Lý Long Tường phải đem gia quyến sang Cao Ly tị nạn sau khi nhà Lý sụp đổ (67); nhà Trần ở buổi đầu thành lập từng đem con gái tôn thất triều Lý gả cho tù trưởng các dân tộc ít người (68)... Số phận đội ngũ quý tộc tôn thất như vậy cũng có những thăng trầm, chìm nổi gắn chặt với vận mệnh của vương triều Lý.

6. Kết luận

Trong hơn hai thế kỉ tồn tại, vương triều Lý luôn duy trì và củng cố bộ máy nhân sự của nhà nước với nòng cốt là tầng lớp quý tộc. Tính chất quân chủ quý tộc là một đặc điểm lớn của thể chế và mô hình chính trị thời Lý. Tầng lớp quý tộc do vậy giữ những vai trò và có dấu ấn, cống hiến rất quan trọng đối với triều Lý. Việc tìm hiểu về đội ngũ quý tộc tôn thất, bộ phận trọng yếu của tầng lớp quý tộc, là nhiệm vụ cần đặt ra để đem lại những nhận thức không chỉ về diện mạo, đặc điểm, đóng góp của đội ngũ này, mà còn tạo cơ sở để nhận thức toàn diện hơn về tầng lớp quý tộc nói riêng và lịch sử vương triều Lý nói chung.

Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu tìm hiểu đội ngũ tôn thất triều Lý trên các nội dung về số lượng, thành phần; các quy chế, điển lệ; những nét chính về sinh hoạt; vai trò và cống hiến đối với vương triều, đất nước.

Từ hạt nhân ban đầu là một số thân tộc của Lý Thái Tổ khi triều Lý được thành lập, đội ngũ quý tộc tôn thất dần gia tăng về số lượng và để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử triều Lý. Khoảng gần 100 nhân vật là tôn thất được sử sách ghi lại chủ yếu là anh em, hoàng tử và công chúa của các vị hoàng đế. Không có nhiều tư liệu về hậu duệ đồng tộc của các trường hợp vừa nêu.

Các tôn thất có những đặc quyền, đặc lợi và quy chế riêng về tước vị, phong hiệu, phẩm phục, nghi vệ, phủ đệ, thân binh, nô tì, bổng lộc... Trong đó, hai tước vương và hầu là tước vị phổ biến dành cho các tôn thất. Tôn thất cũng phải thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm đối với triều đình trên cả hai phương diện: quan hệ thân tộc và quan hệ thần tử/bầy tôi.

Đời sống vật chất và tinh thần của tôn thất vừa thể hiện tính chất thượng lưu, quý phái do địa vị đem lại vừa phản ánh rõ nét

hơi thở của thời đại. Nét ưu trội trong sinh hoạt tinh thần của họ là sự hâm mộ Phật pháp, tôn sùng Phật giáo ở thời đại tôn giáo này được xem là quốc giáo.

Đối với triều đình và đất nước, đội ngũ tôn thất đã để lại những dấu ấn sâu sắc. Họ nắm giữ các chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước từ thượng tầng chính trị đến địa phương các cấp. Họ có mặt ở khắp các lĩnh vực từ nội trị, ngoại giao đến chính trị, quân sự, kinh tế..., thể hiện một vai trò tích cực, toàn diện nhằm bảo vệ vương triều và phát triển quốc gia thống nhất. Những gương mặt tôn thất điển hình như Uy Minh vương, Lý Đạo Thành, Hoàng Chân hầu, Chiêu Văn hầu, Ni sư Diệu Nhân... được lịch sử trân trọng nhắc nhớ và nhấn mạnh cũng chủ yếu bởi công trạng của họ đối với quốc gia. Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ tôn thất lại lợi dụng quyền lực và vị thế được ban để gây nên những xáo trộn, biến động chính trị làm phương hại đến triều đình. Lịch sử cần ghi nhận những công lao, cống hiến của quý tộc tôn thất đối với sự hưng thịnh của vương triều Lý và sự tiến triển của quốc gia Đại Việt trong các thế kỉ XI-XIII.

Quý tộc tôn thất là thành phần quan trọng của tầng lớp quý tộc thời Lý, gắn bó huyết tộc, hình thành và phát triển không tách rời với sự hiện diện của triều Lý trên vũ đài chính trị đất nước. Đội ngũ này trở thành một trong những chỗ dựa vững chắc của đế quyền, có vai trò và ảnh hưởng đậm sâu trong quá trình thịnh suy của triều Lý và diễn trình lịch sử Việt Nam các thế kỉ XI-XIII. Thực tế thể nghiệm vai trò của đội ngũ này trong đời sống chính trị-kinh tế-xã hội của quốc gia sẽ là một tiền đề, cơ sở lịch sử để vương triều Trần về sau tiến đến quá trình hoàn chỉnh và phát triển đến đỉnh cao của thể chế quân chủ quý tộc tôn thất trong lịch sử Việt Nam trung đại.

CHÚ THÍCH

(39). Xem thêm *Lịch triều hiến chương loại chí* (phần Nhân vật chí), tập I, sdd.

(40). Xem thêm: *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỉ, quyển II), sdd, tr. 309; Đặng Minh Khiêm, *Thoát Hiên vịnh sử thi tập* (Quyển trung, mục Tôn thất), Hoàng Thị Ngộ, Nguyễn Văn Nguyên chủ biên dịch chú, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2016, tr. 133.

(41), (42), (44), (45), (46), (47). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỉ, quyển II), sdd, tr. 265, 272, 266-267, 270, 271, 272.

(43). Vào năm 1035 và 1037.

(48). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỉ, quyển II), sdd, tr. 291. Đứng đầu nhóm tôn thất là Lý Thảng Cán và Lý Thái Phúc - hai hoàng đệ của Lý Thái Tông. Đứng đầu nhóm võ tướng là Định Thảng đại tướng Nguyễn Khánh và Đô thống Đàm Toái Trạng.

(49), (54), (56). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỉ, quyển II), sdd, tr. 304, 265, 267.

(50), (51), (52), (62). Theo *Việt sử lược* (Quyển III), sdd, tr. 158-159, 186-187. 265, 154-155.

(53). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển II), Bản dịch Viện Sử học, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 292.

(55). Về cuộc tấn công của Đại Lý và việc chống trả của nhà Lý vào năm 1014, xin xem thêm Phạm Lê Huy, “Hoạt động buôn bán ngựa và chính sách kinh dinh của nhà Lý ở khu vực Tây Bắc”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2, 2011.

(57). *Việt sử lược* (Quyển II), sdd, tr. 102.

(58). Theo Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015, tr. 214.

(59). Gần đây, trong bộ tiểu thuyết *Nam quốc sơn hà*, tác giả là bác sĩ, nhà văn Trần Đại Sĩ (hiện định cư ở Pháp) đã dành hẳn một phần với nhan đề “Đi thăm chiến trường thời Tống-Lý” để giới thiệu các tư liệu được sử dụng khi soạn tiểu thuyết và cung cấp thông tin cơ bản về các nhân vật lịch sử của nước ta từng tham gia cuộc kháng Tống thời Lý. Ông cho biết đã tiếp cận được ba tài liệu quan trọng thời Tống là *Tống triều công thần bi kí*, *Quách thị Nam chinh* (Nhật kí hành quân của Quách Kỳ) và *Triệu thị chinh tiểu Giao Chỉ kí* (Nhật kí hành quân của Triệu Tiết). Qua khai thác ba tài liệu đó, ông đã tìm được nhiều thông tin về

các tướng lĩnh thời Lý góp sức trong kháng chiến chống Tống mà sử sách Việt Nam không hề nhắc đến/biết đến. Trong đó, hai vị Hoàng Chân và Chiêu Văn đều là con của Khai Quốc vương và Quốc mẫu Thanh Mai. Hoàng Chân và Chiêu Văn là tên thật. Chức tước của họ như sau:

Lý Hoàng Chân: Kiểm Hiệu Thái Sư, Thượng Trụ Quốc, Thượng Thư Lệnh Kiêm Trung Thư Lệnh, Thăng Long Tiết Độ Sứ, Tả Kim Ngô Đại Tướng Quân, Quản Khu Mật Viện, Trung Thành Vương. Vương phi là Nguyễn Thị Trinh Dung, tước phong Minh Đức, Thạc Hòa, Chí Nhu Công Chúa. Cả hai vị đều tuần quốc trận Khảo Túc.

Lý Chiêu Văn: Kiểm Hiệu Thái Phó, Khai Phủ Nghi Đồng Tam Tư, Võ Minh Quân Tiết Độ Sứ, Thượng Thư Tả Bộc Xạ, Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, Phụ Quốc Đại Tướng Quân, Khu Mật Viện Sứ, Tín Nghĩa Vương. Vương phi là Lê Ngọc Nam, tước phong Ninh Đức, Trang Duệ, Hiếu Khang Công Chúa. Cả hai vị đều tuần quốc trận Khảo Túc.

Thông tin do Trần Đại Sĩ công bố là rất mới, rất đáng chú ý. Tuy nhiên, hiện nay giới sử học nước ta chưa tiếp cận được các tư liệu kể trên nên chưa thể xác nhận hay phủ định các thông tin ông đưa ra.

(60). Theo *Tống sử* (quyển 488 - *Giao Chỉ*), Bản dịch in trong Châu Hải Đường, *An Nam truyện chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2021, tr. 35.

(61). Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử* (để hệ truyện), Ngô Thế Long dịch, Văn Tân hiệu đính và giới thiệu, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.172-173.

(63). Theo Phan Huy Lê, “Họ Lý Tĩnh Thiện một họ Lý gốc Việt mới phát hiện ở Hàn Quốc”, in trong Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2011, tr. 1033.

(64). Theo *Việt sử lược* (quyển III), sdd, tr. 182. Sự kiện này xảy ra vào năm 1211.

(65), (66). Theo *Việt sử lược* (quyển III), sdd, tr. 190. Sự kiện này xảy ra vào năm 1214.

(67). Theo Phan Huy Lê, “Họ Lý Hoa Sơn một họ Lý gốc Việt ở Hàn Quốc”, in trong *Tìm về cội nguồn*, sdd, tr. 1025.

(68). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỉ, quyển V), sdd, tr. 437. Sự kiện này xảy ra vào tháng 8-1226, sau khi triều Lý sụp đổ.